TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2023/HNGĐ - ST
Ngày 9 -3 -2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 388/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1994 (vắng mặt)

HKTT: ấp Giáp N1, xã Phú T, huyện Phú T1, tỉnh C

Chỗ ở hiện nay: ấp Song M, xã Bắc S, huyện T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Tuấn A cưới nhau vào năm 2014, hôn nhân do quen biết, chị N và anh Tuấn A tự nguyện với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P, huyện T vào ngày 07/10/2014.

- Về con chung: Chị N và anh Tuấn A có hai người con tên là Nguyễn Trọng N2, sinh ngày 17/6/2015 và Nguyễn Ngọc Hà M1, sinh ngày 17/11/2019. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu N2 và cháu M1, chị N không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân phát sinh vi phạm tình nghĩa của vợ chồng dẫn đến ly hôn:

- Chị N trình bày: Do anh Tuấn A thường xuyên đi nhậu về đánh chị N. Khi cự cãi với nhau thì anh Tuấn A bỏ nhà đi, có lần đi cả năm mới về nhà. Chị N và anh Tuấn A ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay không quan tâm chăm sóc chị N và các con.

Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Tuấn A, nhưng anh Tuấn A không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 23/11/2022.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về hôn nhân: Căn cứ vào bản sao Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Tuấn A với chị Nguyễn Hồng N được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T cấp ngày 07/10/2022 thì anh Tuấn A với chị N là hôn nhân hợp pháp.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tcấp ngày 27/7/2015 và ngày 27/11/2019 thì cháu Nguyễn Trọng N1 và Nguyễn Ngọc Hà M2 là con chung của chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Tuấn A.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn A không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt, do đó không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Tuấn A, nhưng anh Tuấn A vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tuấn A.

Ngày 09/12/2022 chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị N.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị N với anh Tuấn A là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị N và anh Tuấn A là do bất đồng quan điểm sống với nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng ngày càng gây gắt không thể khắc phục được. Trong thời gian ly thân chị N và anh Tuấn A không quan tâm chăm sóc với nhau, không tự đoàn tụ được với nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Tuấn A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh Tuấn A; cho chị N được ly hôn với anh Tuấn A.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi hai người con chung của chị N là cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/6/2015 và Nguyễn Ngọc Hà M2, sinh ngày 17/11/2019, chị N không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi ly hôn hai cháu Trọng N1 và Hà M2 là do chị N nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 30/9/2022 của cháu Trọng N1 có nguyện vọng sống chung với chị N khi chị N và anh Tuấn A ly hôn với nhau; nhằm tránh xáo trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Trọng N1, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần của cháu Trọng N1. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trọng N1 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng N với anh Nguyễn Tuấn A.

1.2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 17/6/2015 và Nguyễn Ngọc Hà M2, sinh ngày 17/11/2019 cho chị Nguyễn Hồng N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Tuấn A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số No 0011005 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị N không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng N với anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh